

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY SƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2022/DS-ST

Ngày: 21-9-2022

“V/v tranh chấp quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Tạ Văn Thanh.

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa: Ông Trần Bình Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2020/TLST-DS ngày 17/4/2020 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2022/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH Lâm nghiệp S.

Trụ sở: Thôn A, thị trấn VT, huyện V, Bình Định.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Hồng N - Chức vụ: Giám đốc (theo Giấy ủy quyền ngày 03/8/2022) - (có mặt).

- Bị đơn: Ông Trần Thanh T, sinh năm 1957 - bà Ngô Thị H, sinh năm 1957 - (vắng mặt).

Trú tại: Thôn T1, xã T2, huyện T3, Bình Định

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Vợ chồng anh Trần Thanh B - chị Đặng Thị Diễm H1 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khố N, thị trấn P, huyện T3, Bình Định.

+ Anh Trần Thái T4, anh Trần Thanh H2, anh Trần Thái H3, chị Trần Thị Thu H4 - (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn T1, xã T2, huyện T3, Bình Định

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (về việc tranh chấp quyền sử dụng đất), bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn là Công ty TNHH Lâm nghiệp S đại diện theo ủy quyền ông Võ Hồng N, trình

bày: Công ty TNHH Lâm nghiệp S là đơn vị 100% vốn Nhà nước do UBND tỉnh Bình Định làm chủ sở hữu; có chức năng, nhiệm vụ trồng, chăm sóc, quản lý bảo vệ rừng. Năm 2003, thực hiện theo Quyết định số 8230/QĐ-CTUB ngày 29/9/2003 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt hồ sơ thiết kế - dự toán trồng và chăm sóc rừng nguyên liệu giấy. Năm 2004 được UBND tỉnh Bình Định cho thuê đất trồng rừng theo Quyết định số 1994/QĐ-CTUB ngày 13/7/2004 với diện tích 4.427.100m² đất tại xã T2, huyện T3, tỉnh Bình Định và được UBND tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 499817 ngày 13/7/2004 cho Lâm trường S để trồng rừng nguyên liệu giấy đối với tiểu khu 236, 250a, 258 (đất trồng rừng) diện tích 4.427.100m² tại thôn T1, xã T2, huyện T3, tỉnh Bình Định. Công ty đã nhận đất, quản lý và trồng rừng đúng như mục đích thuê đất. Năm 2009, Công ty S tiến hành khai thác và năm 2010 trồng lại rừng tại tiểu khu 258 xã T2 với diện tích 17,33 ha, còn lại giao trả lại cho địa phương diện tích 13,87 ha đất vùng đệm lòng hồ, đất manh mún (theo Thông báo số 98/TB-UBND ngày 10/8/2011 của UBND huyện T3) và UBND tỉnh Bình Định có Quyết định thu hồi số 4437/QĐ-UBND ngày 14/12/2018. Đến năm 2018, Công ty S tiếp tục tiến hành khai thác (chu kỳ 2) và dọn biên ranh để xử lý thực bì trồng lại rừng tại tiểu khu 250a xã T2 thì phát hiện ông Trần Thanh T đã lấn chiếm đất của Công ty với diện tích 1.200m² tại lô a, khoảnh 1, tiểu khu 250a và trồng cây keo trên đất lấn chiếm (khoảng 05 tháng tuổi). Công ty đã nhiều lần yêu cầu ông T trả đất nhưng ông T không chịu. Công ty khiếu nại đến UBND xã T2 nhưng hòa giải không thành. Nay Công ty yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T phải giao trả diện tích đất 1.200m² (tại lô a, khoảnh 1, tiểu khu 250a thuộc thôn T1, T2, T3) đã lấn chiếm. Đối với số cây keo ông T đã trồng trên đất thì yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là ông Trần Thanh T, bà Ngô Thị H trình bày: Khoảng năm 1976 thì cha ông T và ông T có khai hoang một đám đất tục danh Hòn Mạch, diện tích khoảng 02 mẫu, trồng chuối, mít, xoài rồi bỏ đó để giữ đất. Do điều kiện con nhỏ, vợ chồng ông bà lo làm ăn nên có bỏ đất không canh tác một thời gian. Công ty TNHH S có vào đất của ông bà trồng rừng sản xuất một chu kỳ; cho đến khoảng tháng 7/2018 thì vợ chồng ông bà đã lấy lại đất và trồng toàn bộ cây keo lai (các con của ông bà chỉ phụ giúp cha mẹ phần nào, không có đóng góp gì).

Việc Công ty TNHH S được UBND tỉnh cho thuê đất tại các tiểu khu 250a, 258, 236 tại thôn T1, xã T2 vào năm 2004 thì ông bà không biết nên không có khiếu nại khi UBND huyện T3 tiến hành thu hồi đất của một số hộ dân để giao đất cho Công ty S. Ông bà không nghe thông báo gì, không ai yêu cầu trả đất. Năm 2018, khi Công ty S khai thác, đào ủi phần đất liền bên diện tích đất ông khai hoang thì có chặt của ông 01 cây xoài, 4 cây mít nhưng ông bà không có yêu cầu bồi thường gì. Đất này tuy không được Nhà nước cho phép và chưa được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng là rẫy cũ của nhà, nên ông bà được quyền khai thác, không đồng ý giao trả diện tích đất tranh chấp trên (1.200m²) cho Công ty TNHH S. Nếu Tòa xử giao đất cho Công ty TNHH S thì cây keo ông bà trồng trên đất ông bà có quyền thu hoạch.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Trần Thanh B - chị Đặng Thị Diễm H1; anh Trần Thái T4, anh Trần Thanh H2, anh Trần Thái H3, chị Trần Thị

Thu H4: đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng vẫn vắng mặt, không cung cấp lời khai và yêu cầu đối với vụ án.

Biên bản định giá ngày 24/7/2022 xác định:

- Phần đất tranh chấp có diện tích 1.200m² (thuộc lô a, khoảnh 1, tiểu khu 250a, thôn T1, xã T2), là đất lâm nghiệp thuộc nhóm 3, vị trí 2, có giá 7.000đ/m², giá thị trường: 99.600.000đ.

Trên đất tranh chấp có trồng cây keo lai khoảng 03 - 04 năm tuổi, tổng số cây là 300 cây, trong đó có 240 cây theo định mức có giá: 18.000đ/cây (mật độ: 2.000 cây/ha) và 60 cây vượt hạn mức, tính giá: 12.600đ/cây. Tổng giá trị cây: 5.076.000đ

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn phát biểu ý kiến: Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thư ký, Thẩm phán, HĐXX từ khi Tòa thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định pháp luật; việc chấp hành pháp luật tố tụng của nguyên đơn đúng theo quy định; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS.

Về nội dung vụ án: đề nghị HĐXX: Áp dụng các Điều 166, 168, 170 của Luật đất đai năm 2013; Áp dụng Điều 163, 164 của Bộ luật dân sự năm 2015; Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Lâm nghiệp S: Buộc vợ chồng ông Trần Thanh T, bà Ngô Thị H phải chặt bỏ toàn bộ cây keo lai khoảng 3 - 4 năm tuổi để trả lại đất trống đối với 1.200m² đất lâm nghiệp thuộc lô a, khoảnh 1, tiểu khu 250a, xã T2, huyện T3 cho Công ty TNHH Lâm nghiệp S toàn quyền sử dụng. Không chấp nhận yêu cầu của vợ chồng ông Trần Thanh T, bà Ngô Thị H về việc cho rằng 1.200m² đất trên là đất do gia đình ông bà khai hoang, sử dụng từ năm 1976 không chấp nhận trả đất vì không phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật. Tiền án phí, định giá theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là ông Trần Thanh T, bà Ngô Thị H, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Thanh B - chị Đặng Thị Diễm H1, anh Trần Thái T4, anh Trần Thanh H2, anh Trần Thái H3, chị Trần Thị Thu H4 - vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ hai lần. Căn cứ vào Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về yêu cầu của các bên đương sự: Năm 2003, thực hiện theo Quyết định số 8230/QĐ-CTUB ngày 29/9/2003 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt hồ sơ thiết kế - dự toán trồng và chăm sóc rừng nguyên liệu giấy. Năm 2004 được UBND tỉnh Bình Định cho thuê đất trồng rừng theo Quyết định số 1994/QĐ-CTUB ngày 13/7/2004 với diện tích 4.427.100m² đất tại xã T2, huyện T3, tỉnh Bình Định và được UBND tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 499817 ngày 13/7/2004 cho Lâm trường S để trồng rừng nguyên liệu giấy đối với tiểu khu 236, 250a, 258 (đất trồng rừng) diện tích 4.427.100m² tại thôn T1, xã T2, huyện T3, tỉnh

Bình Định. Công ty đã nhận đất, quản lý và trồng rừng đúng như mục đích thuê đất. Năm 2009, Công ty S tiến hành khai thác và năm 2010 trồng lại rừng tại tiểu khu 250a xã T2. Đến năm 2018, Công ty S tiếp tục tiến hành khai thác (chu kỳ 2) và dọn biên ranh để xử lý thực bì trồng lại rừng tại tiểu khu 250a xã T2 thì phát hiện ông Trần Thanh T đã lấn chiếm đất của Công ty với diện tích 1.200m² tại lô a, khoảnh 1, tiểu khu 250a và trồng cây keo trên đất lấn chiếm (khoảng 05 tháng tuổi). Nay Công ty yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T phải giao trả diện tích đất 1.200m² đã lấn chiếm. Còn ông T, bà H cho rằng diện tích 1.200m² đất ông bà đang sử dụng là do gia đình ông bà khai hoang từ năm 1976 nên gia đình ông bà được quyền sử dụng đất.

[3] Về diện tích tranh chấp và số cây keo lai trồng trên đất tranh chấp:

Qua kiểm tra, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đang tranh chấp vào ngày 14/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tại Tiểu khu 250a, xã T2, huyện T3, phần diện tích đất tranh chấp hiện ông Trần Thanh T đang sử dụng là 1.200m². Trên đất tranh chấp có trồng keo lai từ năm 2018, đất có vị trí 3 thuộc nhóm 2 (đất rừng sản xuất) có giá 82.000.000đồng/1.200m²; cây keo lai trồng năm 2018 loại cây 3-4 năm có giá 18.000.000 đồng/cây. Mật độ cây trồng là 2000 cây/ha. Tại thời điểm kiểm tra thực tế diện tích 1.200m² có một số cây đã chết là 20%, còn phần cây sống là 80% tương ứng tổng số cây là 300 cây, trong đó có 240 cây theo định mức có giá: 18.000đ/cây (mật độ: 2.000 cây/ha) và 60 cây vượt hạn mức, tính giá: 12.600đ/cây. Tổng giá trị cây: 5.076.000đ.

[4] Về nguồn gốc đất các bên đang tranh chấp:

Theo Công văn số 845/STNMT-TTRA ngày 26/4/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định thì diện tích 1.200m² đất trồng rừng tại tiểu khu 250a thuộc xã T2, huyện T3, tỉnh Bình Định mà ông Trần Thanh T, bà Ngô Thị H lấn chiếm, trước khi Nhà nước giao đất cho Công ty Sông Kôn là *đất có nguồn gốc do UBND xã T2 quản lý, chưa giao cho hộ gia đình, cá nhân hay tổ chức nào sử dụng*. Ngày 15/12/2003 Lâm trường S (thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bình Định) có đơn xin thuê đất lâm nghiệp số 381a/ĐX-LTSX diện tích 306,5ha tại xã T2, huyện T3 để trồng rừng nguyên liệu giấy, gỗ. Ngày 19/12/2003 UBND huyện T3 có Văn bản số 483/UB-TH thống nhất đề nghị UBND tỉnh cho Lâm trường S thuê diện tích đất 306,51ha nêu trên để trồng rừng nguyên liệu giấy, gỗ. Ngày 13/7/2004 UBND tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 1994/QĐ-CTUBND về việc cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận QSD đất cho Lâm trường S đối với tiểu khu 258 xã T2, diện tích 31,2ha theo giấy chứng nhận số T00058 QSĐĐ/1994/QĐ-CTUB-2004 do UBND tỉnh cấp ngày 13/7/2004. Thời hạn cho thuê đất là 35 năm, kể từ ngày 16/12/2003. Lâm trường S nộp tiền thuê đất hàng năm cho Nhà nước. Ngày 07/4/2010 và ngày 05/3/2012, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất (thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường) Bình Định đã chỉnh lý biên động đổi tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất: từ Lâm trường S thành Công ty Lâm nghiệp S (được thành lập theo Quyết định số 873/QĐ-UBND ngày 25/12/2006 của UBND tỉnh) và từ Công ty Lâm nghiệp S thành Công ty TNHH Lâm nghiệp S theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4100259010 cấp ngày 31/7/2010. Ngày 01/10/2018 UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3348/QĐ-UBND phê duyệt phương án sử dụng đất của Công ty TNHH Lâm nghiệp S, với nội dung: Diện tích đất Công

ty TNHH Lâm nghiệp S giữ lại để tổ chức sản xuất kinh doanh và thực hiện nhiệm vụ công ích là 12.639,11ha (trong đó có phần diện tích đất 1.200m² đang tranh chấp). Diện tích đất Công ty S bàn giao lại cho địa phương quản lý là 1.667,57ha.

Ngày 14/12/2018 UBND tỉnh ban hành Quyết định số 4432/QĐ-UBND với nội dung: Cho Công ty TNHH Lâm nghiệp S thuê 18.656.471m² đất tại các huyện Vĩnh Thạnh, T3 và Hoài Ân theo Phương án sử dụng đất đã được UBND tỉnh phê duyệt, bao gồm: Diện tích UBND tỉnh đã có Quyết định cho thuê trước đây là 14.576.549m² (trong đó có diện tích đất 1.453.645m² tại xã T2, huyện T3) theo Quyết định số 1994/QĐ-CTUB ngày 13/7/2004 của UBND tỉnh. Thời hạn sử dụng đất đến ngày 16/12/2038... Hình thức thuê đất: Trả tiền thuê đất hàng năm. (Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các quyết định giao đất, cho thuê đất trước đây của UBND tỉnh đối với diện tích nêu trên). Công ty TNHH Lâm nghiệp S được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 417718 ngày 14/12/2018. Việc UBND tỉnh Bình Định cho thuê đất đối với Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn là đúng theo trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.

Căn cứ vào Điều 166 Luật đất đai năm 2013 quy định về quyền của người sử dụng đất: “..... *Được nhà nước bảo hộ khi bị người khác xâm phạm đến quyền sử dụng đất hợp pháp của mình ...*”; Điều 170 Luật đất đai năm 2013 quy định “*sử dụng đất đúng mục đích, đúng ranh giới thửa đất.....*” Điều 164 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định các biện pháp bảo vệ quyền sở hữu: “*Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền yêu cầu Tòa án,...buộc người có hành vi xâm phạm quyền phải trả lại tài sản, chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật việc thực hiện quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản... ”*. Do đó, Công ty S (chủ sử dụng đất hợp pháp) yêu cầu ông Trần Thanh T, bà Ngô Thị H phải trả lại diện tích 1.200m² đất rừng tại lô a, khoảnh 1, tiểu khu 250a xã T2, huyện T3, tỉnh Bình Định cho Công ty S toàn quyền sử dụng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 166, 168, 170 của Luật đất đai năm 2013 và Điều 163, 164 Bộ luật Dân sự năm 2015, nghị nên chấp nhận.

[5] Việc ông Trần Thanh T, bà Ngô Thị H cho rằng diện tích đất 1.200m² hiện ông bà đang sử dụng trồng keo có nguồn gốc của gia đình ông bà tự khai hoang diện tích khoảng 02 mẫu có tục danh Hòn Mạch, thuộc xã T2; sử dụng đất từ năm 1976-1986 và trồng keo đến năm 2009; nhưng ông bà không có giấy tờ gì để chứng minh, ông bà cũng thừa nhận việc khai hoang đất này không được Nhà nước cho phép và chưa được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó không có căn cứ để chấp nhận lời nại của ông T, bà H.

[6] Đối với số cây keo lai khoảng 3-4 năm tuổi trên đất (300 cây, có giá trị 5.076.000đ) là do ông T, bà H trồng trái phép, Công ty TNHH Lâm nghiệp S đã được Nhà nước giao đất hợp pháp; đã quản lý, canh tác trên đất một thời gian (đã trồng cây keo và thu hoạch chu kỳ 1). Từ năm 2018 Công ty đã yêu cầu giao trả đất nhưng vợ chồng ông T, bà H vẫn cố ý vi phạm. Do đó, có căn cứ để buộc vợ chồng ông T, bà H phải chặt bỏ toàn bộ số cây keo trồng để trả lại đất trồng đối với diện tích đất 1.200m² tại lô a, khoảnh 1, tiểu khu 250a, xã T2, T3 cho Công ty TNHH Lâm nghiệp S toàn quyền sử dụng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: ông T, bà H là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty TNHH Lâm nghiệp S số tiền 300.000 đồng - tạm ứng án phí đã nộp trước theo biên lai số 0006641 ngày 17/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn.

[8] Về chi phí định giá tài sản: 6.000.000đ (Công ty TNHH Lâm nghiệp S đã dự nộp). Ông T, bà H phải trả lại cho Công ty TNHH Lâm nghiệp S số tiền 6.000.000 đồng.

[9] Lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91; Khoản 1 Điều 147; Điều 161; Điều 227; Điều 228; Điều 229; Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 166, 168, 170 của Luật đất đai năm 2013;

Áp dụng Điều 163, 164 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Lâm nghiệp S:

Buộc vợ chồng ông Trần Thanh T, bà Ngô Thị H phải chặt bỏ toàn bộ cây keo lai khoảng 3 - 4 năm tuổi để trả lại đất trống đối với 1.200m² đất lâm nghiệp thuộc lô a, khoảnh 1, tiểu khu 250a, xã T2, huyện T3 cho Công ty TNHH Lâm nghiệp S toàn quyền sử dụng.

Không chấp nhận yêu cầu của vợ chồng ông Trần Thanh T, bà Ngô Thị H về việc cho rằng 1.200m² đất trên là đất do gia đình ông bà khai hoang, sử dụng từ năm 1976 không chấp nhận trả đất vì không phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí định giá:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: vợ chồng ông Trần Thanh T, bà Ngô Thị H được miễn án phí vì là người cao tuổi.

Hoàn trả cho Công ty TNHH Lâm nghiệp S số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) - tạm ứng án phí đã nộp trước theo biên lai thu số 0006641 ngày 17/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn.

2.2. Chi phí định giá tài sản: buộc vợ chồng ông Trần Thanh T, bà Ngô Thị H phải trả lại cho Công ty TNHH Lâm nghiệp số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng).

3. Các bên đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết Bản án.

4. Quyền và nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THA dân sự huyện Tây Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Giang Nam